TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH H**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-11-2018
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH H

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Huy

- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Nam Lương
2. Ông Lê Xuân Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh H tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2018/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2018, về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Ánh N**, sinh năm: 1976
Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố Phú Sơn, phường Cam Phú, thành phố C, tỉnh Khánh H. (Có mặt)

Bị đơn: Ông **Lâm Siều H**, sinh năm: 1975
Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố Phú Sơn, phường Cam Phú, thành phố C, tỉnh Khánh H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2018, bản tự khai ngày 20/9/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trương Thị Ánh N trình bày: Bà và ông H có thời gian tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Cam Lợi, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 14, cấp ngày 12/3/2007.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng từ

năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân ông H cờ bạc, rượu chè, bà nhiều lần khuyên can thì ông chửi bới, xúc phạm bà, nay bà thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống với người chồng thiếu trách nhiệm nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lâm Siều H.

Về con chung: Bà N và ông H có 01 con chung là: Lâm Quốc M, sinh ngày: 03/10/2003.

Bà N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Bà N có tài sản riêng và có thu nhập bình quân mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa để tham gia hòa giải và xét xử, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N; Về con chung: Bà N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Quốc M, sinh ngày: 03/10/2003 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có. Bà N phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí.

Tài liệu chứng cứ trong trong hồ sơ vụ án:

Trích lục kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 14, cấp ngày 12/3/2007 của UBND phường Cam Lợi, thị xã C.

Giấy khai sinh mang tên Lâm Quốc M.

02 Chứng minh nhân dân mang tên Trương Thị Ánh N, Lâm Siều H.

Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Lâm Siều H.

Biên bản xác minh ngày 25/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Lâm Siều H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[1.2] Bà Trương Thị Ánh N yêu cầu ly hôn ông Lâm Siều H. Yêu cầu của bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà N và ông H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Cam Lợi, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 14, cấp ngày 12/3/2007. Do đó, hôn nhân giữa bà N và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống không dung hòa, ông H thiếu trách nhiệm, nhiều lần chửi bới, xúc phạm bà N, nay bà thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống với ông H. Tuy vợ chồng còn chung sống với nhau chung một nhà nhưng trong thời gian qua giữa ông H và bà N cũng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm và cuộc sống hôn nhân đi vào bế tắc, không thể hàn gắn được. Tại phiên tòa hôm nay bà xác định không còn tình cảm với ông H và kiên quyết ly hôn. Từ khi Tòa án thụ lý đến nay, Tòa án đã tống đạt thông báo H giải nhiều lần cho ông H, tuy nhiên, ông cũng không tham gia phiên H giải, điều đó chứng tỏ ông thờ ơ, bỏ mặc quan hệ hôn nhân giữa ông và bà N. Tại biên bản xác minh ngày 25/9/2018, chính quyền địa phương cho biết: "Tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà N chính quyền địa phương không rõ. Hiện nay cháu Lâm Quốc M vẫn còn chung sống với bà N, ông H".

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà N yêu cầu được ly hôn ông H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông H có 01 con chung là Lâm Quốc M, sinh ngày: 03/10/2003. Bà N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Cháu Lâm Quốc M, sinh ngày: 03/10/2003 hiện nay còn nhỏ, cần có sự chăm sóc chu đáo từ người mẹ, bản thân bà N có tài sản riêng và có thu nhập bình quân mỗi tháng 10.000.000 đồng đủ khả năng nuôi con, hơn nữa cháu M cũng có nguyện vọng được chung sống với bà N. Do đó, bà N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Quốc M là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của cháu M và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.3] V*ề cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung*: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.5] *Về án phí*: Bà N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Ánh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Ánh N được ly hôn với ông Lâm Siều H.

2. Về con chung: Bà Trương Thị Ánh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu: Lâm Quốc M, sinh ngày: 03/10/2003.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Thị Ánh N về việc không yêu cầu ông Lâm Siều H cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Trương Thị Ánh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà Trương Thị Ánh N nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về "ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000012 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Bà Trương Thị Ánh N đã nộp đủ.

Bà Trương Thị Ánh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Lâm Siều H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh H
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND phường Cam Lợi, thành phố C
- Lưu hồ sơ, án văn

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Huy